

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ R
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15/6/2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ R – TỈNH BẠC LIÊU**

- Những người tiến hành tố tụng gồm có:

Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã R.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Giang Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã R xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22/5/2023 về việc yêu cầu không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị A, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Khóm X, phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Ông Lương Minh B, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Khóm X, phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 5 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn trình bày:* Quan hệ hôn nhân: Bà A và ông B sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992 và không đăng ký kết hôn. Hai người đã ly thân được 10 năm nay, lý do: Bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung. Nay bà yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông B. Về con chung: Bà A và ông B thống nhất xác định có 02 người con chung gồm: Lương B Trang, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1993 và Lương Thành C, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2002. Các con đã trưởng thành nên bà A không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: Bà A xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Lương Minh B trình bày:* Quan hệ hôn nhân: Ông B thống nhất về lời trình bày của bà A về thời gian sống chung, thời gian ly thân, lý do ly

thân và không đăng ký kết hôn. Nay ông đồng ý theo yêu cầu của bà A . Việc nuôi con: Các con đã trưởng thành và đã có cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: Ông B xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Kiểm sát viên nhân dân thị xã R phát biểu:*

+ *Tổ tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ *Nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Không công nhận bà Thạch Thị A và ông Lương Minh B là vợ chồng. Về quan con chung: Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Thạch Thị A và ông Lương Minh B có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn nhưng thực tế họ đã từng sống chung với nhau như vợ chồng và đã có con chung. Nay bà A có đơn yêu cầu nên theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận bà Thạch Thị A và ông Lương Minh B là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà A và ông B thống nhất xác định có 02 người con chung gồm: Lương Bảo Tr, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1993 và Lương Thành C, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2002. Các con đã trưởng thành nên bà A , ông B không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông B thống nhất xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R là phù hợp nên được ghi nhận.

[6] Về án phí: Bà Thạch Thị A phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 228, 238 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 8, 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm khoản 2 Điều 6 và khoản 8 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Thạch Thị A và ông Lương Minh B là vợ chồng.

2. Con chung: 02 người con chung gồm: Lương Bảo Tr, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1993 và Lương Thành C, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2002. Các con đã trưởng thành nên bà A, ông B không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông B thống nhất xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Thạch Thị A phải chịu 150.000 đồng. Bà A đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số: 0014728, ngày 22/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã R được hoàn lại 150.000 đồng.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thúy